



Câu lạc bộ thơ
TÂN HÌNH THỨC

VẬN ĐỘNG SÁNG TÁC VÀ THẢO LUẬN

Báo Giấy • Tháng 3 năm 2018 • Năm thứ 4 • Số 45

POETRY JOURNAL IN PRINT • BÁO GIẤY

Print it out yourself

Vietnamese & English Poetry • Tri-Monthly
Second Year • March 2018 • Number 7

Publisher: Tan Hinh Thuc Publishing Club • Santa Ana, California, USA
www.thotanhinhthuc.org

ISSN: 2475-2274

Contact: Khe Iem, email: journalinprint@gmail.com

Editorial Staff: Diễm Thọ, Khế Iêm, William Noseworthy,
Phạm Kiều Tùng, Trần Vũ Liên Tâm, Richard Sindt

About Us

When we read words on paper in Western-influenced languages, we read in a linear way: from left to right, from top to bottom, line by line, from beginning to end. But reading on the Internet is often done in a non-linear way; web pages usually contain more than one readable item, so the reader is tempted to jump around and not concentrate. When reading web pages, we tend to read more quickly and less deeply than when we read on paper. *Báo Giấy* (Poetry Journal in Print) seeks to allow both kinds of reading.

The world is becoming ever smaller, and every civilization is reaching out to others because we are all in the same race; human. Humanity requires understanding and peaceful exchanges which will enrich our lives. In the age of the Internet, poetry has become a simple and convenient means to rapidly discover and begin to understand the cultures of many different peoples.

Báo Giấy is non-profit organization, and the Editorial Staff are all working volunteers. If you want to be member of *Báo Giấy*, please, send us an email.

“Thế giới trở nên ngày càng nhỏ hẹp, và mỗi nền văn minh đều vươn tới những nền văn minh khác bởi lẽ tất cả chúng ta đều cùng thuộc một nòi là giống người. Nhân loại cần đến những cuộc trao đổi trên cơ sở thông cảm lẫn nhau và hòa bình để làm phong phú cuộc sống của chúng ta. Trong thời đại Internet, thơ đã trở nên một phương tiện giản đơn và thuận tiện để phát hiện nhanh chóng và bắt đầu hiểu được những nền văn hóa của nhiều dân tộc khác nhau.”

Contents / Mục Lục

Phạm Quyên Chi	Hollow 59 / <i>Rỗng 59</i>	2
Nguyễn Thanh Hiện	Like the Thunder of Spring / <i>Như Tiếng Sấm Mùa Xuân</i>	3
Vương Ngọc Minh	Hackneyed Writting / <i>Tâm Chương Trích Cú</i>	5
Khế Iêm	Untitled / <i>Vô Đề</i>	8
Nguyễn Văn Vũ	The Tick-Tacks / <i>Những Tích Tắc</i>	8
Hùng Thanh	The Floods Thinking / <i>Ý Tưởng của Lũ</i>	9
Chu Thụy Nguyên	Wrong Train / <i>Nhầm Tàu</i>	10
Khế Iêm	Monosyllabic Language ... / <i>Ngôn Ngữ Đơn Âm ...</i>	11
A.D. Winans	Sign of The Times / <i>Dấu Tích Thời Gian</i>	20
Jordan Trethewey	Hearts / <i>Những Trái Tim</i>	20
Wendy Barker	Hollow / <i>Chỗ Lỗm</i>	21
Phill Provance	Madrigal for a Lover / <i>Bài Tình Ca Cho Người Tình</i>	21
Nancy Shiffirin	Twisted Tree / <i>Cây Uốn Cành</i>	22
Tim J Brennan	Garage Sale / <i>Bán Đồ Cũ</i>	22
Maki Starfield	Ainu Girl / <i>Có Gái Ainu</i>	23
Bill Wolak	The Lover's Body / <i>Thân Xác Người Yêu</i>	24
James Spears	Around the Table / <i>Quanh Bàn</i>	24
Dana Gioia	The Ballad of Jesus Ortiz / <i>Bài Ca Về Jesus Ortiz</i>	25

Vietnamese New Formalism Poetry

Pham Quyên Chi

HOLLOW 59

A good morning like this morning
Sitting myself next to the
Lady selling fish sauce [when]
I speak she then scolds, god
Damn it you youngster, you like
To go against life, live too
Carelessly [and] passion-
Ately with ambitious dreams,
Why aren't [you] looking at
The sun passing through the tree-
Tops day after day to know
The ways of passing on the
Road ahead, a good morning

Phạm Quyên Chi

RỖNG 59

Một buổi sáng tốt lành
Như sáng hôm nay đây
Ngồi một mình bên bà
Bán nước mắm tôi hỏi
Thì bà chửi tổ cha
Bọn nhỏ tội bay thích
Đi trái cuộc đời sống
Thì quá vô tư nhiệt
Tình với hoài bão ước
Mơ sao không nhìn mặt
Trời đi qua ngọn cây
Ngày ngày để biết cách
Đi qua con đường phía
Trước một buổi sáng tốt

Receiving a phone call to
 End the relationship from
 My loved one, the truth is that
 The human heart has its own
 Path, thus since today is a
 Beautiful day I'm sitting
 [And] praying that those people
 Who want to journey toward
 A new happiness will have
 The courage to throw out
 Everything, swear to one's
 Heart that the betrayed one is
 The one who'd have to carry
 Happiness, and I'm here sitting
 [And] viewing the lady selling
 Fish sauces stretching [her] legs,
 Measuring to fill up the
 Rows of bottles, early dawn
 Is in the sparkling eyes,
 Flickering smiles

Translated into English by Tran Vu lien Tam

Nguyen Thanh Hien

LIKE THE THUNDER OF SPRING

it's not spring but flowers are still
 blooming, the wild bees still go
 gather nectar, earth [and] heaven
 still flow in the hot pursuit of
 looking for themselves a new form,
 I love you I'm making an old six-
 eight poem, lines of six-eight, calm
 like the river water running through
 the village fields, now I'm making poetry
 six-eight to give you yet horses'
 hooves are bumpy, the day throwing
 one's troops into battle I am
 reluctant yet still want yet still
 want to show valor towards you
 once, thus the horse is hesitant
 to leap up as if about to
 spurt toward heaven, then again
 return to the old earth, I love
 you I'm making six-eight poetry,

Lành nhận cuộc điện thoại
 Chia tay của người mình
 Yêu thật ra trái tim
 Con người có lối đi
 Riêng thôi thì hôm nay
 Trời đẹp tôi ngồi cầu
 Cho những người muốn tìm
 Đến hạnh phúc mới thì
 Hãy mạnh tay vứt bỏ
 Đi tất cả thề với lòng
 Mình rằng kẻ phản bội
 Là kẻ phải gánh lấy
 Hạnh phúc còn tôi đây
 Ngồi ngắm bà bán nước
 Mắm duỗi đôi chân đong
 Cho đầy hàng chai sớm
 Mai trong đôi mắt long
 Lanh nháy nháy cười

Nguyễn Thanh Hiệ

NHƯ TIẾNG SẦM MÙA XUÂN

không phải là mùa xuân nhưng
 hoa vẫn nở lũ ong rùng
 vẫn đi hút mật trời đất
 thì đang trôi đi trong cuộc
 ráo riết tìm kiếm cho mình
 một dạng hình mới mẽ tôi
 yêu em tôi làm thơ lục
 bát xưa câu sáu tám êm
 như nước con sông chảy qua
 đồng làng nay tôi làm thơ
 lục bát để tặng em thì
 gập ghềnh vó ngựa buổi xuất
 quân bịn rịn mà cũng muốn
 tỏ ra là hào kiệt với
 em một lần cho nên ngựa
 dùng dằng chồm lên như sắp
 tuôn lên cỡi trời lại quay
 đầu về miền cổ thổ tôi
 yêu em tôi làm thơ lục

my six-eights are six-eights of the
contemporary era thus
periods and commas also
are stumbling laboriously,
like a wrestling match for a spot
on the earth of the modern
human, I use periods and commas
per the echoes of the heart, you
awake at midnight you become
the six-eight poem, it's not spring but
I want you and I want to create
a spring for the wild bees to think
the spring flowers are blooming, for
heaven [and] earth to imagine
that you and I are making
efforts to the changing shape of
heaven and earth, thus I'm making
a six-eight poem to give to you,
the old six-eight poetry is to
follow rules of the folks who
only know how to read six-eight
poetry and to put them in
the sphere of heavy morals, now
I'm making six-eight poetry, to
give to you is to learn along
the attempt of heaven [and] earth,
heaven [and] earth wanted to be
contemporary then six-eight
poetry must be contemporary,
blooming flowers don't have to come
in spring only, at midnight I
stop sleeping, suddenly [I] see
you already changed into poetry,
poetry opens during sleep
adding a period to the next line,
like the sound of thunder opening
in the middle of the spring.

Translated into English by Tran Vu lien Tam

bát lục bát của tôi là
lục bát thời đương đại cho
nên chằm phảy cũng khắp khắp
nhiều khê như cuộc giành giật
chỗ đứng trên mặt đất của
con người đương đại tôi chằm
phảy là theo âm vang của
trái tim em nửa đêm thức
giác em thành thơ lục bát,
không phải là mùa xuân nhưng
tôi muốn tôi và em hãy
làm ra mùa xuân cho lũ
ong rùng rường là hoa xuân
đương nở cho đất trời tưởng
là tôi và em đang góp
sức vào việc thay đổi dạng
hình của trời đất cho nên
tôi làm thơ lục bát để
tặng em xưa thơ lục bát
là theo luật lệ của những
kẻ chỉ biết đọc thơ lục
bát và đem đặt chúng vào
những khoảnh rất mù luân lý
nay tôi làm thơ lục bát
để tặng em là nương theo
cuộc mưu toan của trời đất
trời đất muốn đương đại thì
thơ lục bát cũng đương đại
cần gì phải hoa nở mới
là mùa xuân nửa khuya tôi
chằm xuống dòng giấc ngủ chợt
thấy em đã hóa thành thơ
thơ mở ra giữa giấc ngủ
đang chằm xuống dòng như tiếng
sấm mở ra giữa mùa xuân

tháng 11. 2017

Vuong Ngoc Minh

HACKNEYED WRITING

there must be sentences (letters),
really rhetoric, with modern
poetic form, decently
describing the wistfulness
of the older sister which I'm
carrying heavily in my
heart, blessed that I'm now able
to recover, telling myself,
then hearing (seeing) the sound
of the lost crow, crying the
sound "quack!" I always try to

unravel the dark clouds coiling
around myself, the damn clouds
coiling around me, all this
time, every time hearing the
sound of the lost crow, crying
the sound "quack!", instantly seeing
from afar, flashing the whole
afternoon (an old day), I

sit pushing to write out
sentences (rhetorical words)
only one sentence, with poetic
form extremely modern,
decently then, thousands of
miles away to echo the
tune of a trumpet, procession
of the dead, tormented in the
village where she squarely binds
the white headband, wears a white

sweater, carries the cotton
basket, rushing on the dike,
oh, she walks as if she would
make it home to remove the
old cloud cluster (later) coiling
around me and, sentences (words)
I write in fact it's just a
thought simple thought, not to patch
up the sky, fill up the ocean,
put it on the dike, yearning
for her home, pick up, silently

Vuong Ngoc Minh

TÂM CHƯƠNG TRÍCH CÚ

phải có câu (chữ) thực
hoa mỹ với thi pháp
hiện đại đường hoàng nói
lên nỗi nhớ chị mà
tôi đang mang nặng lòng
may mới vực nỗi tôi
dậy nhủ thể thì nghe
(thấy) có tiếng quạ lẻ
bầy kêu một tiếng "quác!"
quả tôi luôn cố gắng

gỡ đám mây mù quấn
quanh mình đám mây chết
tiệt quán quanh tôi bao
lâu nay hề nghe tiếng
quạ lẻ bầy kêu một
tiếng "quác!" lập tức thấy
từ xa thấp thoáng nguyên
buổi chiều (xưa) tôi ngồi

cốt viết sao cho ra
câu (chữ hoa mỹ) chỉ
một câu thôi với thi
pháp cực hiện đại đường
hoàng thì ngoài ngàn vắng
lên điệu kèn đồng đưa
ma day dứt nơi thôn
ỏ chị quán vương khăn
trắng vận áo len trắng

cấp rỏ bông đi te
tái trên đê ôi chị
đi như thể hòng kịp
về gỡ hộ đám mây
xưa (sau) quán quanh tôi
và câu (chữ) tôi viết
thực ra chỉ mỗi ý
tưởng con con không vá
trời lấp bẻ đặt trên
đê mong chị về nhật

lên lạng ghi chú dưới
dòng chữ bằng dầu son
môi tôi gỡ đám mây

footnote, underline the words
with a lipstick line, I remove
the cloud cluster of gloom coiling
around me, only just to end
the story the history
of my love for her to make
it to reincarnation
again, eat (lie) with her for one
life, waiting for the full moon,
to open the shortcut path,
wide, run until the end of
the lot, growing the reed field,

surpassing high heads, I coax
the field foxes to not howl
tumultuously anymore,
very dreary and bitter,
in the long night, facing up,
chinaberry flower makes words
blossom (bunch bunch), returning
day, going, stepping across
each puddle of dew no doubt
will meet an older sister,
oh, all sisters leave silently,

the dirt path in a remote
place, which tradition? Able
to raise more than ninety
million human beings yet
remain the full primitive,
oh god! I bog down in the
middle of the cedar forest,
so how to have sentences
with (rhetorical words) speak
of my love for her, add

contemporary poetic
form openly, blessed, able
to cover up, I am now still
lying [and] looking, seeing the
cats fall into a trance, the
gloomy cloud cluster coils
around me, every now
and then just swiftly turns into
human form, swiftly turn into
mountain [and] river, and oh
sister, all things were already

mù quán quanh mình cũng
chỉ cốt dứt câu chuyện
lịch sử tình yêu tôi
dành cho chị hồng kíp
đầu thai trở lại ăn
(nằm) cùng chị một đời
đợi qua rằm ra mở
con đường tắt rộng chạy
lần tới cuối bãi trồng

bãi cỏ lau cao lút
đầu tôi gạ lũ sói
đồng đừng tru inh ỏi
nữa thê thiết lấm vào
đêm trường ngựa mặt hoa
soan sẽ rộ lời (chùm
chùm) ngày về đi bước
ngang mỗi vũng sương chắc
chấn sẽ gặp một chị
ôi các chị đều lằm

lũ nổi đường đất quan
san truyền thống dân tộc
nào? có thể nuôi sống
hơn chín chục triệu con
người hãy còn nguyên môn
muội hơi giời! tôi sa
lầy giữa rừng hương phải
làm sao có được câu
vói (chữ hoa mỹ) nói
lên tình tôi yêu chị

cộng thi pháp hiện đại
đường hoàng may mới vực
nổi dậy hiện tôi còn
nằm ngó trông lũ mèo
nhập đồng đám mây mù
quán quanh mình chốc chốc
cứ thoát hóa hình người
thoát hóa núi sông và
chị ơi vạn vật vốn
vô thường (chúng ta chả
bao giờ thật có) đường
là đường chung (!) vậy nhưng
mỗi tôi kẻ vô phương
tháo lui chữ thánh hiền
“đọc chả khác bị tra

unpredictable (we never truly exist), paths are common paths (!) yet every [time] I tell there's no way to retreat, sage words "read, just while being torture!", hovering between life and death with all the tortures which were happening (acting) for as long as hundreds of years, quite impressive, by the way I want to speak of (poetry) of the deadlock

from the clothes, worn daily, ironed, as if they're not ironed, many people already said – saw me, but don't know what my name is, I did say "however, it's okay, the world is now already small, because of globalization!" like that,

I think, there must be a sentence (rhetorical words) with poetic form indeed contemporary, so that I can describe the poetry career, all bearing (all versatile) with love, all the thoughts truly audacious, which I'm having for her, perhaps just like that, maybe, able to cover me up, sister oh sister!

* Fall into a trance: Many researchers believe that a person going or falling into a trance becomes a way that the spiritual leader while in ecstasy can communicate with spirits.

* "Tâm chương trích cú" means the study of a subject which is based only on language and not the ideas and/or meanings.

tấn!" sống dở chết dở
với các cuộc tra tấn
từng xảy (diễn) dài cả
trăm năm cực án tượng
nhân đây tôi muốn nói
lên (thơ) sự bé tắc

từ các bộ đồ vận
hàng ngày ủi cũng giống
không ủi nhiều người từng
bảo – có thấy tôi nhưng
chẳng biết tôi tên gì
tôi có nói "tuy nhiên,
không sao thể giới giờ
đã nhỏ bé bởi tính
toàn cầu mà!" nghe thế

tôi nghĩ đúng là cần
phải có câu (chữ hoa
mỹ) với thi pháp cực
hiện đại hòng cho tôi
diễn tả về nghề thơ
đa mang (đa năng) cùng
với tình yêu các ý
nghĩ thực táo bạo tôi
đang dành cho chị thời
có như thế may mới
vực nổi tôi dậy chị
oi!

* Các nhà nghiên cứu cho rằng, lên đồng (hay nhập đồng) là hình thức mà các thầy đồng trong trạng thái ngây ngất (Ectacy) để có thể liên lạc với thần linh.

Translated into English by Tran Vu lien Tam

Khe Iem

UNTITLED

I stand in the room corner
hazy between things and
reality, in a moment
I listen and it seems like

a desert is spreading and
a fever spreading like a
hot coal burning up inside
me, I'm losing myself bit

by bit, bit by bit, blazing
blazing, I am the hot coal,
the fever frees me out of
my mind and the imprisoned

feelings of humanity, from
inside outwardly my whole
body is the dark matter,
as if my race is coal, my

language is fire, my soul is
ash, my world is dark nights and
red fires, hello dear friend,
I am a coal, I am me,

Strange, that's right.

Nguyen Van Vu

THE TICK-TACKS

That is when the boozing
overflows into the night-
mare, drowns joy to death in
the nick of time, and only

in the nick of time, the night-
mare knocks against the heart,
pushes you to lean on me but
we walk until [we] cannot

walk any more steps, but you
head to the blows, present in
the film strip of silence, and
expose the split skull, like the

Khé Iêm

VÔ ĐỀ

Tôi đứng ở góc phòng lơ
mờ giữa sự vật và hiện
thực trong phút chốc tôi lắng
nghe và chừng như hoang phé

lan dần và cơn sốt lan
dần như hòn than nóng lên
trong tôi tôi đang mất tôi
từ từ từ từ bùng bùng

tôi là hòn than cơn sốt
giải phóng tôi khỏi tâm trí
và cảm xúc tù ngục của
con người từ trong ra ngoài

toàn thân tôi là chất đen
giống loài tôi là than ngôn
ngữ tôi là lửa linh hồn
tôi là tàn tro thế giới

tôi là đêm tối và lửa
hồng chào bạn người nhé tôi
là hòn than tôi là tôi
dị kỳ không sai.

Translated into English by Tran Vu lien Tam

Nguyễn Văn Vũ

NHỮNG TÍCH TẮC

đó là lúc hơi men
tràn ứ vào cơn ác
mộng chìm chết niềm vui
trong tích tắc và chỉ

trong tích tắc cơn ác
mộng va đập vào trái
tim xô em tựa vào
tôi mà bước cho đến

khi không thể bước thêm
được bước nào nữa mà
bước vào cú va đập
hiện hình trong tấm phim

two halves apart long ago
meet again, like I press
against you [and] take you away,
carry you away, until

tomorrow next week or
even longer so the two halves
apart long ago meet
again, press against each

other and recognize that
with the agonizing pain,
there's always a tick-tack
moment of innocence

making wonders, a tick-tack
moment of innocence
making whoever wants to
die no longer want death

anymore ...

Translated into English by Tran Vu lien Tam

Huong Thanh
FLOOS THOUGHTS

Because of flood thoughts thus the flood
refuses to let anyone take
away this thought, including
any living thing, any green

trees, the flood creates thoughts from the body
of the flood, the pressure the higher
the pressure the stronger the flood
of strong thoughts, and it doesn't

exclude anyone including
any living thing, any
eco-system, on the land
already became uncultivated

by these thoughts, I told you just to
let the thoughts of the flood bloom, and
it would change itself with each
season of climate, why are we

câm nín phơi ra cái
đầu xương nứt đôi như
hai nửa xa nhau lâu
ngày gặp lại nhau như

tôi áp vào em đất
em đi công em đi
đến ngày sau tuần sau
hay lâu hơn nữa để

hai nửa xa nhau lâu
ngày gặp lại nhau áp
vào nhau và nhận ra
rằng bên cạnh nỗi đau

muốn chết bao giờ cũng
có một tích tắc hồn nhiên
làm nên điều kỳ diệu
một tích tắc hồn nhiên

làm cho ai muốn chết
cũng không muốn chết nữa ...

Tháng 4.2016

Hương Thanh
Ý TƯỞNG CỦA LŨ

Vi là ý tưởng của lũ nên
lũ không cho bất kỳ ai được
lấy đi ý tưởng này kể cả
bất kỳ động vật bất kỳ xanh

loài cây con lũ tạo ra ý
tưởng từ thân con lũ sức ép
càng cao con lũ càng có ý
tưởng mạnh mẽ và nó không loại

trừ bất kỳ ai kể cả bất
kỳ động vật bất kỳ hệ sinh
thái trên đất phải trở thành sự
hoang hóa của ý tưởng này tôi

nói với em cứ để cho ý
tưởng của lũ được phát triển và
tự nó biến đổi mỗi mùa khí
hậu tại sao chúng ta cố gắng

trying to betray mother nature
and not pushing forward our own
thinking, I will carry you up
and you'll bring a house of

technology, we will not go
anywhere just be standing here,
the flood underneath our feet like
a river flows through the bridge

pillars, and then – flood thoughts will wipe
away the self-interest of humanity.

Chu Thuy Nguyen
WRONG TRAIN

5 am the train started
to depart, the train station
has no more the look of love
love filled with goodbyes

5 am the train started
to depart, each track branches
never to meet again, you
got a ticket to go south, yes

5 am the train started
to depart, I have not yet
taken off my shoulder the bag-
gage from when I welcomed life

5 am the train started
to depart, still have time we
talk about here and there, not
sure the train would run straight through

5 am the train started
to depart, she and I, we
just shortly loved each other,
wall of moss, realizing (meeting)
the cotton rosemallow flower

5 am the train started
to depart, we are not sure
we took the wrong train, so perhaps
there's still a chance to return ...

phản bội thiên nhiên mà không nâng
lên ý tưởng của chính mình tôi sẽ
cõng em lên và em mang một
mái nhà kỹ nghệ chúng ta không

đi đâu hết cứ đứng đây con
lũ dưới chân như sông chảy qua
trụ cầu và nó – ý tưởng của
lũ sẽ xóa xa đi ích kỷ.

Translated into English by Tran Vu lien Tam

Chu Thuy Nguyen
NHẦM TÀU

5 giờ sáng tàu khởi
hành sân ga chẳng còn
thuộc về dung mạo tình
yêu đầy nỗi chia lìa

5 giờ sáng tàu khởi
hành từng nhánh rẽ phân
chưa từng hợp lại bạn
lấy vé xuôi nam ừ

5 giờ sáng tàu khởi
hành tôi vẫn chưa cất
khởi vai mình mớ hành
trang trong lúc chào đời

5 giờ sáng tàu khởi
hành còn kịp chán ta
bàn chuyện ngược xuôi đã
chắc gì là tàu suốt

5 giờ sáng tàu khởi
hành nàng ấy chúng tôi
chỉ vừa yêu nhau tường
rêu ngộ (gặp) đóa phù dung

5 giờ sáng tàu khởi
hành, chắc gì chúng ta
đã nhầm tàu để may
ra còn dịp quay về ...

Translated into English by Tran Vu lien Tam

MONOSYLLABIC LANGUAGE
AND VIETNAMESE NEW FORMALISM
SPECIFICALLY EXPLAINED

NGÔN NGỮ ĐƠN ÂM
VÀ THƠ TÂN HÌNH THỨC VIỆT
VÀI DẪN GIẢI CỤ THỂ

Khế Iêm

Vietnamese New Formalist Poetry draws influence and learns from two sources of influence in the West: English formal poetry and American Free Verse, including the addition of a program of research and creative brainstorming. English formalism includes such poets as William Shakespeare [1564 – 1616], John Milton [1608 – 1674], William Wordsworth [1770 – 1850], William Butler Yeats [1865 – 1939], W. H. Auden [1907 – 1973] and Robert Frost [1874 – 1963], while American Free Verse includes such poets as Walt Whitman [1819 – 1892], William Carlos Williams [1883 – 1963] and the post-modern poets as well.

The question put forward is, why is it that English poetry has produced so many great talents? Perhaps it is due to the language, as, according to the poet Jorie Graham, English is capable of absorbing infinitely many languages from other countries, and “it makes for an extraordinarily rich language if you are trying to write poetry.” Christopher Caldwell suggests that “The fact that England for three centuries led the world in the development of capitalism and that, during the same period, it led the world in the development of poetry, are not unrelated coincidences but part of the same movement of history.”

1/Reception from English Formalism

According to discoveries regarding the creative functions of the brain, poetry must be

Thơ Tân hình thức Việt tiếp nhận, học hỏi và hình thành từ hai nguồn thơ ảnh hưởng nhất tại phương Tây, thơ thể luật tiếng Anh và thơ tự do Mỹ, bổ sung thêm những công trình nghiên cứu chức năng sáng tạo của não bộ trong thơ. Thơ thể luật tiếng Anh với những nhà thơ thiên tài William Shakespeare (1564 – 1616), John Milton (1608 – 1674), William Wordsworth (1770 – 1850), William Butler Yeats (1865 – 1939), W. H. Auden (1907 – 1973), Robert Frost (1874 – 1963) ... Thơ tự do Mỹ với những nhà thơ Walt Whitman (1819 – 1892), William Carlos Williams (1883 – 1963), và những phong trào thơ hậu hiện đại.

Câu hỏi đặt ra, tại sao thơ tiếng Anh lại có thể sản sinh ra nhiều tài năng lớn như vậy? Có thể là do ngôn ngữ, theo nhà thơ Jorie Graham, "Tiếng Anh có khả năng hấp thu vô cùng tận đủ mọi loại ngôn ngữ từ các quốc gia khác, và là một ngôn ngữ lạ thường nếu dùng để làm thơ." Và Christopher Caldwell, trong cuốn Ảo tưởng và Thực tại (Illusion and Reality, 1935), cho rằng "Thực tế, nước Anh đã có ba thế kỷ dẫn đầu thế giới trong việc phát triển chủ nghĩa tư bản, trong cùng thời kỳ, nó dẫn đầu thế giới trong việc phát triển thơ, không phải những sự trùng hợp ngẫu nhiên không liên quan, nhưng là một phần chuyển động của lịch sử."

1/ Tiếp nhận từ thơ thể luật tiếng Anh

Theo những khám phá về chức năng sáng tạo

composed from both the right and the left hemispheres. This is one reason why English poetry has gained the influence of many important poets and been influential across the world. As such, the rules of formalism have contributed significantly.

According to researchers, creativity consists of the collaboration between parts of the entire brain, both the right and left hemispheres. Between the two, there is a network called the Corpus callosum. In any poetry, there is a rule to create rhythm. Form and rhythm have the ability to manipulate other elements such as emotions, intuition, imagination, music and rhyme in connection with the right hemisphere. Connecting language, knowledge and other elements of the left hemisphere to create content also depends on the type of language – whether it is polysyllabic or monosyllabic – as well as the technical aspects of the poetry. English language formalism has met these conditions.

English is a polysyllabic language, so formalism, which can have rhyme or no rhyme, can use enjambment to draw ideas from one line to another, making them coherent, to form thoughts in the poem. With this technique, a sentence can be longer than one line of a poem, continuing on to a different line, making meaning more complete. The enjambment technique has existed since antiquity, with Homer, and was popular in Renaissance English Poetry. This technique has helped the English formalist poets (as with other polysyllabic languages) connect the left and right hemispheric aspects of creativity, promote their thoughts and make great works which engage the reader. Vietnamese New Formalist poetry accepts this technique, as adapted from English language formalism. However, because Vietnamese is a monosyllabic language, it is necessary to change the rhyme at the end of the line using enjambment to more easily convey the thought.

trong não bộ, sáng tác thơ phải kết hợp được cả hai bán cầu não trái và phải. Và đó là lý do để thơ tiếng Anh có được những nhà thơ lớn và sức ảnh hưởng mang tầm thế giới, qua nhiều thế kỷ. Được như vậy, luật tắc của thể luật thơ đã đóng góp một phần quan trọng.

Theo những nhà nghiên cứu, sáng tạo bao gồm toàn thể não bộ, với bán cầu não phải và trái. Giữa hai bán cầu não có một mạng kết nối gọi là Corpus callosum. Trong bất cứ thể thơ nào cũng có luật tắc để tạo ra nhịp điệu. Thể thơ và nhịp điệu có khả năng lôi kéo theo những yếu tố khác như cảm xúc, trực giác, tưởng tượng, nhạc tính, vần ... thuộc bán cầu não phải. Nhưng muốn kết nối được với ngôn ngữ, kiến thức và các yếu tố khác thuộc bán cầu não trái để tạo thành nội dung, còn phải tùy thuộc vào thể loại ngôn ngữ, đa hoặc đơn âm, và yếu tố kỹ thuật của thơ. Thơ thể luật tiếng Anh đã đáp ứng được với những điều kiện nêu trên.

Tiếng Anh là ngôn ngữ đa âm, nên thơ thể luật, dù có vần hay không vần ở cuối dòng thơ, vẫn có thể dùng kỹ thuật vắt dòng (enjambment) vắt ý tưởng từ dòng này qua dòng khác, làm cho liên lạc với nhau, hình thành tứ thơ hay tư tưởng trong thơ. Với kỹ thuật này, một câu dài hơn một dòng thơ, vẫn có thể tiếp tục qua một dòng khác, làm cho ý nghĩa được hoàn tất. Kỹ thuật vắt dòng đã có từ thời cổ đại, với Homer, và là một kỹ thuật chủ yếu và phổ biến trong thơ thể luật tiếng Anh thời Phục hưng. Chính kỹ thuật này đã giúp cho những nhà thơ thể luật tiếng Anh (và những ngôn ngữ đa âm khác) nối kết hai bán cầu trái và phải, phát huy tư tưởng, làm thành những tác phẩm lớn, lôi cuốn người đọc. Thơ Tân hình thức Việt tiếp nhận kỹ thuật và quan điểm này của thơ thể luật tiếng Anh. Nhưng vì tiếng Việt là ngôn ngữ đơn âm nên phải thay thế vần ở cuối dòng bằng kỹ thuật vắt dòng, để dễ dàng chuyển tải tư tưởng.

American Free Verse, which denies the rules of traditional poetry, takes the other path, using frequent line breaks and fragmentation to break up coherent thoughts in the poem. Therefore, poetry became difficult to understand, extremely academic, narrow in its search for new styles and approaches, full of the energy of the avant garde movements but at the same time decreasing the number of readers in the world of poetry.

2/ Approaches from American Free Verse

In reality, Free Verse began to replace the rhythm created by the rules of formalism by repeating words or phrases. The poet T. S. Eliot argued that modern poets should use rhymes in any place in the poem where they are the most effective. However, as English is a polysyllabic language, when there are too many repeated syllables, this does not create strong rhythms compared to other types of poetry – such as the use of two-syllable units, like the typical iambic structure, equivalent to the even/uneven sounds of Vietnamese language. The repeating words is not suitable to the nature of polysyllabic languages, but it is effected to monosyllabic languages, such as Vietnamese. Just as in English formalism, iambic pentameter which rhythmically reproduces the syllables (unstressed, stressed), five times in a line, Vietnamese New Formalism creates similar ideas, doubling the syllables (even/uneven) anywhere within the poem. So the rhythm in Vietnamese New Formalism is always changing and lively, never boring. Vietnamese New Formalism therefore accepts the repeat technique and T. S. Eliot's viewpoint of rhymes.

American Poetry, from the poet William Carlos Williams and after, was less interested in the rhythm of poetry. Accordingly, “The free verse movement seemed, in Williams’ word, “a formless interim”; it not was considered an end in it–self but was to lead to a “new way of measuring” (Missing Measures – Timothy Steele). This meant that poetry needed to find

Trong khi thơ tự do Mỹ, phủ nhận thể luật của thơ truyền thống, đã đi một con đường ngược lại, bằng cách dùng kỹ thuật dòng gãy (line break) và phần mảnh (fragment), làm rời rạc và đứt đoạn ý tưởng trong thơ. Thơ trở nên khó hiểu, mang tính hàn lâm, hạn hẹp trong việc tìm kiếm phong cách (làm mới), sôi nổi với những phong trào tiên phong, đồng thời thu nhỏ người đọc trong giới những nhà thơ.

2/ Tiếp nhận từ thơ tự do Mỹ

Thật ra, thơ tự do khởi đầu cũng muốn thay thế nhịp điệu tạo bởi luật tắc của thơ thể luật, bằng cách lập lại những câu chữ, và nhà thơ T. S. Eliot cho rằng, những nhà thơ hiện đại nên sử dụng vần ở bất cứ đâu hiệu quả nhất. Nhưng tiếng Anh là ngôn ngữ đa âm, khi lập lại những câu chữ với quá nhiều âm tiết, không tạo được nhịp điệu mạnh so với thơ thể luật – dùng những đơn vị hai âm tiết, tiêu biểu là iambic, không nhấn, nhấn tương đương với đơn vị âm thanh bằng trắc trong tiếng Việt. Kỹ thuật lập lại những câu chữ không có tác dụng trong ngôn ngữ đa âm, nhưng lại đặc dụng trong ngôn ngữ đơn âm, là tiếng Việt. Nếu thơ thể luật tiếng Anh, tiêu biểu là dòng thơ iambic pentameter, tạo nhịp điệu bằng cách lập lại những đơn vị âm thanh (không nhấn, nhấn), 5 lần trong một dòng thơ, thì thơ Tân hình thức Việt tạo nhịp điệu bằng cách lập lại những đơn vị âm thanh bằng trắc (chữ kép) ở bất cứ chỗ nào trong bài thơ. Vì thế nhịp điệu thơ Tân hình thức Việt luôn luôn thay đổi và sinh động, không bị nhàm chán. Thơ Tân hình thức Việt tiếp nhận kỹ thuật lập lại và quan điểm về vần của T. S. Eliot.

Trở lại với thơ tự do Mỹ, nhà thơ William Carlos Williams sau đó, không còn quan tâm tới nhịp điệu thơ nữa. Ông cho rằng, “thơ tự do tạm thời vô thể, nhưng nó không dừng lại ở đó, mà hướng tới một luật tắc mới.” Điều đó

new forms. Some looked quite similar to formalism but had fewer syllables (from five to seven, instead of ten) and had similar ideas, when compared to traditional poetry, and also used enjambment. The influence of William Carlos Williams on the poets of later generations is notable, although this form of poetry has not been given a formal name. Typical poems include “Peasant Wedding” by William Carlos Williams and “Morning” by Frank O’Hara. Currently, many American poets, such as Tom Riordan, follow this free verse style. These forms of poetry resemble the five- and seven-syllable forms of Vietnamese New Formalism. There is not as much emphasis on rhythm, and hence the matter of writing style is still located in the left hemisphere, as with Free Verse.

3/ The linkages between Freedom and Formalism

On Facebook, a question was raised: “One poet asserted: Vietnamese New Formalism is a poetry that draws people into a framework – it cannot be free, what do you think?” The poet Robert Frost said about Free Verse, “I’d just as soon play tennis with the net down.” The poet T. S. Eliot emphasized that “no verse is free for the man who wants to do a good job.” Whether or not there is a net, poets (both free and formal) play by different rules. According to John Ashbery, the effect of Free Verse is based on rhythm and repetition.

However, as was mentioned previously, Free Verse begins at the outset, with T. S. Eliot, to fail to produce rhythm, and later poets, such as William Carlos Williams, moved onward to finding new forms of poetry. Thus, Free Verse, though it arose as separate from tradition, tries to connect itself to traditionalism. Both ways have their faults, however. Vietnamese New Formalism poetry combines these two attempts of American Free Verse poetry. And it is not entangled in any particular frame because it uses only the forms from the final

có nghĩa, thơ tự do cần tìm những hình thức (thể thơ) mới. Một trong những hình thức thơ, trông giống như thơ thể luật, nhưng với số âm tiết mỗi dòng thơ ít hơn (từ 5 tới 7 âm tiết thay vì 10 âm tiết của thơ thể luật), những ý tưởng liền lạc giống như thơ truyền thống, và dùng kỹ thuật vắt dòng thay vì dòng gãy. Ảnh hưởng của William Carlos Williams tới những nhà thơ ở những thế hệ sau, hình thức thơ này như một thể thơ phi chính thống. Điển hình là những bài thơ Peasant Wedding (Đám Cưới Quê) của William Carlos Williams và Morning (Buổi Sáng) của Frank O’ Hara. Bây giờ, khá nhiều những nhà thơ tự do Mỹ sáng tác theo, nhà thơ Tom Riordan chẳng hạn. Những hình thức loại thơ này trông giống những thể thơ 5 chữ, 7 chữ của thơ Tân hình thức Việt. Khuyết điểm là không quan tâm tới nhịp điệu, nên cách sáng tác vẫn nghiêng về bán cầu não trái như cách làm của thơ tự do.

3/ Nối kết giữa tự do và thể luật

Trên Facebook, một câu hỏi được đặt ra: “Một nhà thơ đã khẳng định: thơ Tân hình thức là thứ thơ bắt người khác phải viết theo khuôn khổ – không được tự do, theo bạn nghĩ thì sao?” Nhà thơ Robert Frost, khi được hỏi về thơ tự do, nói: “Tôi vừa mới chơi quần vợt với lưới bị gỡ xuống” (I’d just as soon play tennis with the net down). Và nhà thơ T S Eliot nhấn mạnh “không có thơ nào là tự do đối với một nhà thơ muốn làm tốt việc làm thơ” (no vers is libre for the man who wants to do a good job) – Dù có lưới hay không, những nhà thơ (thể luật và tự do) đều chơi theo các qui tắc khác nhau. Theo John Ashbery, hiệu quả của thơ tự do dựa trên nhịp điệu và sự lặp đi lặp lại.

Nhưng như đã đề cập, thơ tự do khởi đầu, với T. S. Eliot, đã thất bại trong việc tạo nhịp điệu và những nhà thơ sau đó, với William Carlos Williams, chuyển qua việc tìm kiếm những hình thức (hay thể thơ) mới. Như vậy, thơ tự do, dù thoát ra khỏi truyền thống nhưng vẫn cố gắng nối kết với truyền thống. Nhưng cả hai cách đều có khiếm khuyết. Thơ Tân hình thức Việt kết hợp được cả hai cố gắng của thơ

stages to correct the rhythm after the poem has finished. In retrospect, the re-use of traditional forms is a fundamental and wonderful element of Vietnamese New Formalism. It's like an anchor retaining a ship. Simply put, Vietnamese New Formalist poetry became the perfect link between formalism and freedom, between the left and right hemispheres.

The appearance of Free Verse is arises from the boredom of the rhythm and language of formal poetry. English grammar rules have gone through the development of many loose rules and various changes in the language, to arrive at the language which exists today. The most recent change is the use of ordinary language, which appears in the style of American New Formalism.

Unleashing the pros and cons of these two great lineages of poetry, each with centuries of scholarship, to create a new kind of Vietnamese poetry, with the desire to produce future Vietnamese poets of great stature has not been easy. And, for nearly the past 18 years, Vietnamese New Formalism has been engaged with this goal. But what of the compositions? "Roses of Blood" by Nguyen Dang Thuong, "The Attendant Lady" by Do Kh, "Faraway Love" by Da Thao, "Crab-Meal Soup" by Gyang Anh Ien, "The Very Shallo Sea" by Vuong Ngoc Minh, "White Pampas Grass Season" by Dinh Thi Nhu Thuy, "For Real" by Nguyen Van Vu, and the poetry of Bien Bac, Huong Thanh and Ho Dang Thanh Ngoc as well as hundreds of other poems and poets form the foundation of Vietnamese New Formalism.

But, over the past 18 years, from one year to the next, coming and going, creating New Formalist poetry has still been very slow, even misunderstood, improperly composed, and leading to the rhythm which has been read in such a fashion that prose and poem appear to be the same. Why is this?

Tự do Mỹ. Và vì chỉ dùng thể thơ ở khâu cuối cùng, để chỉnh lại nhịp điệu, sau khi bài thơ đã làm xong, nên không bị vướng vào khuôn khổ nào cả. Ngẫm lại, tái sử dụng những thể thơ truyền thống quả là yếu tố căn bản và tuyệt vời của thơ Tân hình thức Việt. Nó như chiếc neo giữ lại một con tàu. Đơn giản thể thôi, thơ Tân hình thức Việt trở thành thể loại thơ nối kết hoàn chỉnh giữa thể luật và tự do, giữa bán cầu não trái và phải.

Sự xuất hiện thơ tự do, nguyên nhân cũng vì sự xơ cứng về nhịp điệu và ngôn ngữ của thơ thể luật. Thơ thể luật tiếng Anh vì vậy cũng phải trải qua nhiều lần loai lỏng luật tắc và thay đổi ngôn ngữ mới tồn tại được cho tới ngày nay. Gần đây nhất là dùng ngôn ngữ đời thường với thơ Tân hình thức Mỹ.

Rút tĩa ưu và khuyết điểm của hai dòng thơ lớn đó, với bề dày học thuật hàng thế kỷ, để tạo ra một thể loại thơ mới trong thơ Việt, với ước vọng sản sinh ra những nhà thơ Việt có tầm vóc trong tương lai, không phải dễ dàng. Và đã phải trải qua gần 18 năm, thơ Tân hình thức Việt mới hoàn tất được cách làm thơ. Nhưng còn sáng tác thì sao? "Những Nụ Hồng Của Máu" của Nguyễn Đăng Thường, "Bà Quán Gia" của Đỗ Kh., "Tình Xa" của Dã Thảo, "Bún Riêu" của Gyang Anh Ien, "Biển Cạn Cột" của Vương Ngọc Minh, "Mùa Lau Trắng" của Đinh Thị Như Thúy, "Thật Mà" của Nguyễn Văn Vũ ... Thơ Biển Bắc, Hương Thanh, Hồ Đăng Thanh Ngọc ... và hàng trăm bài thơ khác, hình thành những sáng tác mang tinh nền tảng của thơ Tân hình thức Việt.

Nhưng 18 năm qua, hết đợt này tới đợt khác, đến rồi đi, sáng tác thơ Tân hình thức vẫn rất chậm lụt, thậm chí còn bị hiểu sai, sáng tác không đúng cách, đưa tới tình trạng nhịp điệu đọc lên nghe như văn xuôi hoặc bài nào cũng giống bài nào. Tại sao?

► Although the Vietnamese New Formalist theory has had a lengthy development, it has only recently reached completion through a few recent important essays, such as “The Rhythm of New Formalism in the Process of Composition” (2015), “Prosody” (2016), and “Poetry and not Poetry” (2017), particularly regarding the creative functions of the brain.

► The majority of poets who come to New Formalism are accustomed to rhyming and free verse poetry, reading other poets’ writings, and then transforming their ways, as they are less interested in the theoretical or academic needs of the art. And it has not mattered if artists were interested in changing their old habits or not, simply because not everyone has the faith and passion to change their old habits. Thus, Vietnamese New Formalist poetry needs a re-orientation, starting with provisions for the first, basic, early steps, so that poets can readily compose New Formalist poems regardless of whether or not they are interested in theory. Once they have completed a number of works, they will certainly return to theoretical research, going further, and expressing the creative spirit of poetry.

The simplistic language of poetry is easy to understand, but the beauty of Vietnamese New Formalism is the beauty of its ideas and rhythm. This also means that a poem which lacks one of these elements cannot be a Vietnamese New Formalist poem. So, first we have to ponder and look for insights in the theme of the poem. Then we have to develop coherent ideas to shape the content. According to Jesper, “Creativity is the ability to connect knowledge and experience in the subconscious, through a variety of processes: the ability to improvise, to think differently, to have flashes of insight. The flashes of insight are the moments when the mind is relaxed, not thinking in the path of logic. This can be explained by the process of relaxing and letting the mind wander, with the frontal lobe falling into a temporary sleep state, making it

– Mặc dù lý thuyết thơ Tân hình thức đã đi hết một con đường khá dài, nhưng cũng chỉ hoàn tất những tiểu luận quan trọng gần đây: “Nhịp điệu thơ Tân hình thức Việt trong tiến trình sáng tác” (2015), “Cách làm thơ” (2016), và “Thơ và không thơ” (2017), về những chức năng sáng tạo trong não bộ.

– Đa số những nhà thơ đến với Tân hình thức quen với cách làm thơ vần điệu và tự do, đọc những sáng tác của những nhà thơ khác, rồi biến hóa theo cách của mình, ít quan tâm tới nhu cầu lý thuyết hay học thuật. Và dù có quan tâm chẳng nữa thì cũng khó nhập tâm, vì không phải ai cũng có đủ niềm tin và đam mê để thay đổi những thói quen cũ. Vì vậy, thơ Tân hình thức Việt cần phải định hướng lại, cung cấp những hướng dẫn cụ thể bước đầu, để người làm thơ sáng tác đúng theo tiêu chuẩn thơ Tân hình thức, dù họ có quan tâm tới lý thuyết hay không. Sau khi có tác phẩm, chắc chắn họ quay lại tìm hiểu lý thuyết, tiến xa hơn, thể hiện tinh thần sáng tạo trong thơ.

Ngôn ngữ thơ đơn giản, dễ hiểu nhưng cái hay của thơ Tân hình thức Việt là cái hay của ý tưởng và nhịp điệu. Điều này cũng có nghĩa, một bài thơ thiếu một trong hai yếu tố trên, không thể là một bài thơ Tân hình thức Việt. Như vậy, trước hết chúng ta phải suy ngẫm và tìm kiếm những hiểu biết về chủ đề bài thơ. Sau đó phát triển những ý tưởng liên lạc để tạo thành nội dung. Theo Jesper, “sáng tạo là khả năng kết nối giữa kiến thức và kinh nghiệm trong tiềm thức, trải qua rất nhiều quá trình khác nhau: khả năng ứng biến, suy nghĩ khác biệt, có ánh chớp lóe ra trong nội tâm (flashes of insight) ...” Ánh chớp lóe ra trong nội tâm (flashes of insight) là những khoảnh khắc khi tâm trí được thư giãn, và không suy nghĩ theo phương pháp hay luận lý. Điều này có thể giải thích, khi thư giãn và để cho tâm trí đi lang thang, Thùy trán (Frontal lobe) rơi vào tình trạng ngủ tạm thời, giúp chúng ta dễ dàng hơn

easier for us to bring subconscious ideas into consciousness and allowing creative ideas to appear." Thus, ideas (or new visions) in the process of writing poetry are lightning flashes in the mind when the knowledge and intuition of the poet approach realization.

Vietnamese New Formalism is a new line of poetry, not yet fully developed, so why can we understand the typical poem in order to understand the coherent ideas of the poetry itself? The poet Frederick Feirstein* states, "the cohesion of ideas and emotions is the expression that American New Formalism considers important." This is also an important element in English formalism and is the most difficult aspect of composing a poem.

As we have mentioned above, certain American Free Verse poets are also inclined to write poems with clearly coherent concepts just as in formal poetry but do not always concern itself with the meters and rhythms. In the section "Translated Poems, Read as Vietnamese New Formalism" – which includes free verse poets such as William Carlos Williams and Frank O'Hara and continues with contemporary poets such as Tom Riordan and Phillip A. Ellis, as well as formalist poets such as Dan Gioia, Frederick Feirstein and Sydney Lea – readers are shown a whole series of poems which have clearly coherent concepts. But, when translating, whether it is a free verse poem without rhythm or a formal poem with structure, we cannot translate the rhythm of the sound of the language because we can translate only the idea. The reason is that we read the feeling of Vietnamese poetry because Vietnamese is a monosyllabic language, and it is easy to have sounds which pair together in single or double syllable, thereby falling gently upon the ears.

If a Vietnamese New Formalist poem is completed with the ideas as seamlessly as the poems are in translation, then we have gone halfway - to creating poetry which is aligned with the creative powers of the left hemisphere.

trong việc đưa ý tưởng từ tiềm thức vào ý thức và các ý tưởng sáng tạo sẽ xuất hiện. Như vậy, ý tưởng (cái nhìn mới) trong tiến trình làm thơ chính là ánh chớp lóe trong nội tâm khi kiến thức và trực giác của nhà thơ tiếp cận với thực tại.

Nhưng thơ Tân hình thức Việt là một dòng thơ mới, chưa phát triển đầy đủ, làm sao có được những bài thơ tiêu biểu, để chúng ta có thể biết cách tạo thành những ý tưởng liền lạc trong thơ? Nhà thơ Frederick Feirstein cho rằng "sự liền lạc của ý tưởng và cảm xúc là cách diễn đạt mà thơ Tân hình thức Mỹ coi là yếu tố quan trọng." Như vậy, đó cũng là yếu tố quan trọng của thơ thể luật tiếng Anh, và là yếu tố khó nhất trong thơ.

Như trên chúng ta vừa đề cập, một số nhà thơ tự do Mỹ cũng có đang có khuynh hướng sáng tác những bài thơ có ý tưởng liền lạc, giống như thơ thể luật tuy không quan tâm tới luật tắc và nhịp điệu như thơ thể luật. Trong mục "Thơ dịch, đọc như Tân hình thức Việt" bao gồm cả những nhà thơ tự do như Williams Carlos Williams, Frank O'Hara cho đến những nhà thơ đương thời như Tom Riordan, Phillip A. Ellis, cùng những nhà thơ thể luật như Dana Gioia, Frederick Feirstein, Sydney Lea ... cho chúng ta thấy thế nào là những bài thơ có ý tưởng liền lạc. Nhưng khi chuyển dịch, dù là thơ tự do không có nhịp điệu hay thơ thể luật có nhịp điệu, chúng ta không thể chuyển dịch nhịp điệu âm thanh ngôn ngữ, và chỉ có thể chuyển dịch ý tưởng mà thôi. Sở dĩ chúng ta đọc có cảm tưởng như đọc thơ Việt vì, tiếng Việt là ngôn ngữ đơn âm, để có những chữ đơn hoặc kép (bằng trắc) trùng hợp nên nghe thuận tai.

Nếu một bài thơ Tân hình thức Việt chỉ làm với những ý tưởng liền lạc như những bài thơ dịch nêu trên thì mới đi được nửa đoạn đường, tạo nội dung thơ với bán cầu não trái. Chúng ta còn phải tạo nhịp điệu, với bán cầu não phải, thì mới nối kết được hai bán cầu não

We have to create rhythm, associated with the right hemisphere, to connect the powers of both hemispheres, as with English formalism. In terms of content, we can refer to the ideas and emotions which appear seamlessly in the translations of American poetry, but what about the rhythm? Certainly, this is part of Vietnamese New Formalism, as I can attest to through experience. I have a habit of writing new poems by reading silently to myself, and, as I now look back upon them, I find a number of New Formalist poems with strong senses of rhythm which resemble English formalism: "Tet in New York," the diverse "New Formalism and A Story," "Black Cat," "The Story of your Life," "Suffering Mother," "The Bicycle Poem," and so on. So, when you get used to writing poems by reading silently to yourself, we will find that many poems have different rhythms, and, when creating rhythmic diversity, poets will be more inspired to compose in a fashion that appeals to the reader.

Readers are reduced to the minimum, while poets rise to new levels of inflation. But, Vietnamese New Formalism does the opposite, which is difficult to do, and so few people participate, although there are many readers. The poetry is simple, easy to understand (linguistically), and contains new elements (ideas) and excellence (rhythm). Of course, appealing to the reader is still not an easy task to accomplish. As Iain McGilchrist has written, "Simplistic poetry requires more skill than poetry that is difficult to understand. It distinguishes the composition fundamentally with newness and novelty: poetry does not need to look for something extraordinary, because poetry makes something familiar look new." Vietnamese New Formalism has adapted these standards as advantages and disadvantages from English formalism and American Free Verse and has applied them to the discovery of the creative functions in the brain. These standards have thus removed the limits around the topic of the poem. The problem of there being fewer authors can be explained simply

với nhau như thơ thể luật tiếng Anh. Nếu về phần nội dung, chúng ta tham khảo những ý tưởng và cảm xúc liên lạc từ những bài dịch thơ Mỹ, vậy còn nhịp điệu thì sao? Chắc chắn, phải là những bài thơ Tân hình thức Việt. Điều này, tôi có thể nói qua về những trải nghiệm của mình. Tôi có thói quen làm thơ đọc thầm trong đầu, bây giờ nhìn lại, với cách làm thơ này, lọc ra được một số bài thơ Tân hình thức với những nhịp điệu mạnh không khác gì thơ thể luật tiếng Anh: "Tết Ở New York"; và đa dạng: "Tân Hình Thức và Câu Chuyện Kể", "Con Mèo Đen", "Chuyện Đồi Anh", "Mẹ Khổ", "Chiếc Xe Đạp" ... Như vậy, khi làm quen với cách làm thơ đọc thầm trong đầu, chúng ta sẽ có được những bài thơ với những nhịp điệu khác nhau, và khi tạo được sự đa dạng nhịp điệu, người làm thơ sẽ hứng khởi hơn trong sáng tác và hấp dẫn người đọc.

Người đọc thơ giảm xuống mức tối thiểu, trong khi nhà thơ tăng tới mức lạm phát. Thơ Tân hình thức Việt đi theo chiều nghịch, là loại thơ khó làm, ít người tham gia, nhưng lại được nhiều người tìm đọc. Thơ đơn giản, dễ hiểu (ngôn ngữ), mới mẻ (ý tưởng) và hay (nhịp điệu), dĩ nhiên, lôi cuốn người đọc và không dễ làm. Iain McGilchrist, "Thơ giản dị cần nhiều kỹ năng hơn thơ khó hiểu. Nó phân biệt cơ bản giữa tính mới (newness) và tính lạ thường (novelty): thơ không cần tìm kiếm sự lạ thường, bởi vì thơ thật sự làm cho điều gì có vẻ quen thuộc trở nên mới mẻ." Những tiêu chuẩn trên, thơ Tân hình thức Việt nhờ rút tĩa ưu khuyết điểm, từ thơ thể luật tiếng Anh, thơ tự do Mỹ đến những khám phá chức năng sáng tạo trong não bộ, và vì vậy, không còn hạn chế ở bất cứ chủ đề nào nữa. Vấn đề ít người tham gia, có thể giải thích, qua nghiên

through a reflection upon the results of neurological research, as it is difficult to change old methods of composition and revise them into new methods. It is a process which takes time. Moreover, Vietnamese New Formalism recommends only how to compose a new form of poetry, and the process of revision depends on the circumstances and needs of the poets themselves, those aspects are beyond the ability of people on the outside to understand and visualize a priori.

Implicitly, thoughts create content, and content creates concepts, but, while music (or rhythm) is a common challenge with Vietnamese poetry, this is not the case with New Formalism. Creativity passes through peaks, depending on the passion and durability of each poet. Some “concrete explanations” are merely suggestions which are intended to guide poets as they find their own way of addressing the “challenges” of their compositions, as not every poem adheres to a pre-set model. Above all, each composition is still the result of the creative spirit of the poet.

Translate into English by William B Noseworthy

William B Noseworthy, Ph.D.
Associate Lecturer – Department of History
University of Wisconsin-Madison

Notes

* Khe Iem’s Selected Poems: An Introduction,
Frederick Feirstein – “Other Poetry”

cứu về não bộ, thay đổi thói quen cũ và tập thói quen mới trong sáng tác là vô cùng khó, cần có thời gian. Hơn nữa, thơ Tân hình thức Việt chỉ đề nghị cách làm thơ từ một thể thơ mới, còn tham gia sáng tác lại tùy thuộc vào hoàn cảnh thực tế và nhu cầu của những người làm thơ. Điều đó, ngoài khả năng hiểu biết của chúng ta.

Ý tưởng liền lạc tạo ra nội dung, nội dung tạo ra tư tưởng, và nhạc tính (hay nhịp điệu) là vấn đề chung của thơ Việt, không phải chỉ với thơ Tân hình thức. Vượt qua những đỉnh núi đó, tùy thuộc vào đam mê và độ bền của từng nhà thơ. “Vài dẫn giải cụ thể” chỉ là sự gợi ý, mong giúp những nhà thơ tự tìm ra cách giải quyết những “độ khó” trong sáng tác của mình, không phải những mẫu mực. Trên hết, vẫn là tinh thần sáng tạo của người làm thơ.

William B Noseworthy, Tiến sĩ
Phó Giảng viên – Phân khoa Lịch sử
Đại học Wisconsin-Madison

ENGLISH POETRY
(Traditional and Free-Verse Forms)

The *Journal* welcomes the submission of English poetry in both traditional and free-verse forms. Poems in the English language, either traditional or free verse, have a shorter line form (in 5 – 7 syllables) which depends on continuity of thought and feeling. These will be translated by the forms of Vietnamese New Formalism to be like Vietnamese poetry.

A.D. Winans

SIGN OF THE TIMES

Market Street once a crown jewel
Now a gaudy whore worn with time

I pass the Hamburger Palace once
The home of the ninety-nine cent burger
Its doors padlocked
Its windows streaked with grime

Inside streaks of mustard and ketchup
Adorn the dusty counter
A soft drink cup lays crumpled on the floor

Outside a paper napkin floats ghost like
On the back of the wind

Jordan Trethewey

HEARTS

I am a frequent
apocalyptic flyer
looking to land my
rusty, shopping cart heart
in which nothing is ever
bright, dent-free or new.

Your heart is
a redemption centre
where I cash in
my worthless self
and transform into
a useful currency.

A.D. Winans

DẤU TÍCH THỜI GIAN

Phố Chợ một thời từng là vương miện đính kim
Cương nay là ả điểm lòe loẹt xác xơ tàn

Tạ theo thời gian tôi đi ngang Hoàng cung Thị
Băm từng là quê hương của thịt băm 99
Xu mọi cánh cửa Hoàng cung đều cài khóa móc
Mọi cửa sổ đều đầy những vết cấu bẩn

Bên trong Hoàng cung những vết tương mù tạc và
Xốt cà chua trang điểm cho quầy hàng bụi phủ
Một li nước ngọt bị đánh đổ trên sàn

Bên ngoài Hoàng cung một chiếc khăn ăn bằng giấy
Như một hồn ma bay lơ lửng phía sau ngọn gió

Translated into Vietnamese by Pham Kieu Tung

Jordan Trethewey

NHỮNG TRÁI TIM

Tôi là kẻ sống thường
xuyên với sách khai huyền
mong ghé vào trái tim
cau có chất đầy mọi
thứ không có gì sáng
chói mãi, không sứt mẻ

hoặc mới. Trái tim em
là trung tâm cứu chuộc
nơi tôi gửi cái tôi
vô giá trị và đổi
thành đồng tiền có giá

Translated into Vietnamese by Khe Iem

Jordan Trethewey lives with his family in Fredericton, New Brunswick, Canada. He has published two poetry chapbooks (*Bathroom Stall Stanzas*, 2011, and *Wishing on Satellites*, 2016).

Jordan Trethewey sống với gia đình ở Fredericton, New Brunswick, Canada. Ông đã xuất bản hai tập thơ (*Bathroom Stall Stanzas*, 2011, và *Wishing on Satellites*, 2016).

Wendy Barker
THE HOLLOW

of a silver spoon, a palm,
fingers curling a shallow bowl.

To spoon-feed. Applesauce,
oatmeal, cream of wheat, chicken

broth. To enter the cave
of a waiting mouth. The bowl

up-turned, emptied of
the little it carries.

Phill Provance
MADRIGAL FOR A LOVER

How can you kiss me
with your mouth full of
emeralds? Have you lain
in the parlor of love
to long?

Have the narrow
eyes of the snow-gray
streets, lapped up the last
of our widening songs?

Come September we
will only be atonal
harmonies. Come
the windowsill we
must be is filling
with lilies I rap upon

Translated into Vietnamese by Khe Iem

Wendy Barker
CHỖ LỖM

của cái muỗng bạc, lòng bàn tay
những ngón tay ôm lấy cái bát nông.

Ăn bằng muỗng. Nước sốt táo,
bột yến mạch, kem lúa mì, nước

súp gà. Đưa vào miệng đang
há chờ. Bát

lật úp, không còn
bất cứ chút gì

Translated into Vietnamese by Khe Iem

Phill Provance
BÀI TÌNH CA CHO NGƯỜI TÌNH

Làm sao tôi hôn em với
đầy ngọc trong miệng em?
Có phải em nằm nghỉ trong phòng
khách tình yêu để mong ước?

Có đôi mắt nheo lại
về những con đường tuyết xám
bật đi những bài hát lan rộng cuối cùng?

Tháng Chín đến chúng ta
sẽ chỉ là những hòa âm vô điệu thức.
Bên ngoài cửa sổ tràn đầy hoa loa kèn
tôi nói đến phải là chúng ta.

* Madrigal: một loại tình ca. Hoa loa kèn tượng trưng cho những người tình. Mỗi quan hệ (we) rạn nứt nên giờ đây, tác giả đi săn lùng những người bạn tình mới.

Nancy Shiffrin
TWISTED TREE

twisted tree
roots cracking the sidewalk
branches spread like outstretched arms
to make a playground for
the little boy climbing
falling
crying for his mother
how I long to hold him

by copyright 2014

Tim J Brennan
GARAGE SALE

If you don't want to hear
about old radio ads or the time
it took to write them or the decades
of dreams about money –
if you're not too eager to discuss
a celebration or the boredom of it
at the same time, buying a dead
person's stuff allows the deceased
to keep on living for a while longer,
if only in the garage of the seller.
The madness of a dead person
is personal, but you will need to keep up
with all the silence, the dark clouds,
all the shifting from love to hate
and back to love again. If you don't want
to hear about a good or a bad goodbye,
put the dead person's stuff down
slowly onto the table and back away.

Nancy Shiffrin
CÂY UỐN CÀNH

Cây được uốn cành
rễ làm nứt lề đường
những cành cây lan rộng như những cánh tay
vươn ra làm sân chơi
cho đứa bé trai trèo
ngã
kêu đòi mẹ
tôi nóng lòng làm sao giữ nó

Translated into Vietnamese by Khe Iem

Tim J Brennan
BÁN ĐỒ CŨ

Nếu bạn không muốn nghe về những quảng
cáo đã qua trên radio hoặc
thời gian để soạn chúng hoặc những thập
kỷ về những giấc mơ tiền –
Nếu bạn không thiết tha bàn cãi hoặc
khó chịu về sự tán dương, cùng lúc,
mua đồ đạc của người chết để họ
được sống một khoảnh khắc lâu hơn, dù
chỉ trong chỗ đậu xe của người bán
đồ cũ. Sự rò rỉ của người chết
thuộc cá nhân, nhưng bạn cần giữ với
tất cả sự im lặng, những đám mây
u ám, mọi thay đổi từ yêu đến
ghét, và yêu trở lại. Nếu bạn không
muốn nghe lời từ biệt tốt hoặc xấu,
hãy để đồ đạc của người chết xuống
chậm rãi lên trên bàn và rút lui.

Translated into Vietnamese by Khe Iem

Maki Starfield
AINU GIRL

*“Silver drops fall all around, golden drops
fall all around”*
The Ainu Legends of Chiri Yukie

Golden droplets fall
Silver droplets fall
The Ainu girl is singing

Beautiful birds, beautiful country
Surrounded by nature
The ancestors were living freely

Golden droplets fall
Silver droplets fall
The Ainu girl is singing

Hills and fields become a village,
the village becomes a town
Eventually people hate and kill each other
The beautiful spirit has vanished

Golden droplets fall
Silver droplets fall
The Ainu girl is singing

Maki Starfield
CÔ GÁI AINU

*“Những giọt bạc rơi rớt khắp nơi, những giọt
vàng rơi rớt khắp nơi”*
Ainu Legends của Chiri Yukie

Những giọt nhỏ vàng rơi
Các giọt nhỏ bạc rơi
Cô gái Ainu đang hát

Những chim muông đẹp, đất nước đẹp
Được bao quanh bởi thiên nhiên
Những tổ tiên sống thoải mái

Những giọt nhỏ vàng rơi
Các giọt nhỏ bạc rơi
Cô gái Ainu đang hát

Những ngọn đồi và cánh đồng trở thành làng,
làng trở thành thị xã
Cuối cùng con người ghét và giết nhau
Tinh thần đẹp biến mất

Những giọt nhỏ vàng rơi
Các giọt nhỏ bạc rơi
Cô gái Ainu đang hát

Translated into Vietnamese by Khe Iem

* The Ainu languages are a small language family originally spoken on the northern Japanese island of Hokkaido. Now, the lang is disappearing ... Yukie who was the first person to introduce the lang to us in the modern society. She died at 19.

Ainu là ngôn ngữ của người bản xứ trên hòn đảo phía Bắc của Hokkaido, Nhật bản. Ngôn ngữ đó bây giờ đã biến mất. Và Yukie (mất năm 19 tuổi) là người đầu tiên giới thiệu ngôn ngữ Ainu trong xã hội hiện đại.

Maki Starfield was born in Ehime, 1972. She began to make haiku in 2008, where she became recipient of a prize at the 12th annual Mainichi Haiku Contest. Japanese-English Bilingual Books: “Duet of Dots” co-authored with Naran Matos in 2015, “Duet of Lines” co-authored with Luca Benassi, “Trio of Crystals” co-authored with H el ene Cardona and John FitzGerald in 2017.

Maki Starfield sinh ra ở Ehime, năm 1972. Cô bắt đầu làm haiku vào năm 2008, nơi cô đã được giải thưởng tại cuộc thi Mainichi Haiku lần thứ 12. Sách song ngữ Nhật-Anh: “Duet of Dots” đồng tác giả với Naran Matos vào năm 2015, “Duet of Lines” đồng tác giả với Luca Benassi, “Trio of Crystals” đồng tác giả với H el ene Cardona và John FitzGerald năm 2017. “

Bill Wolak

THE LOVE'S BODY

May your hands
reach beyond dreams
where moonlight
awakens as flesh.

May your kisses
seep deeper than rain
into the body's
pink crossroads.

May your fingers
touch the unexpected
always with the thrill
of loving.

Translated into Vietnamese by Khe Iem

James Spears

AROUND THE TABLE

I cannot recognize my nephew's face
in the picture his mother sends me.

What I can see through fog
from four cigarettes and around
corpses left in closets distorts,
only the best is exposed.

The scream of my brother's absence
open wounds he wears, past the edges
of memory are my faded scars.

What isn't said is the only sound.

Translated into Vietnamese by Khe Iem

James Daniel Spears' poetry has been featured in *Jump*, and *The Annual Tejano*, and is upcoming in *The Eunoia Review*. He lives a humble life in his hometown of El Paso, Texas with his nephew, two dogs, and one angry cat.

Thơ James Daniel Spears được đề cao trong *Jump*, và *The Annual Tejano*, và sắp tới trong *Eunoia Review*. Ông sống một cuộc sống khiêm tốn ở quê nhà El Paso, Texas với cháu trai, hai con chó và một con mèo giận dữ.

Bill Wolak

THÂN XÁC NGƯỜI YÊU

Có thể tay em với
qua bên kia những giấc
mơ nơi ánh trăng được
đánh thức như da thịt.

Có thể nụ hôn em
thấm thấu sâu hơn cơn
mưa bên trong chỗ giao
điểm hồng của cơ thể.

Có thể những ngón tay
em chạm tới những gì
không mong đợi luôn luôn
với sự rộn ràng
của tình yêu.

* Tác giả so sánh ánh trăng cũng như da thịt con người được đánh thức từ những giấc mơ.

James Spears

QUANH BÀN

Tôi không thể nhận ra mặt cháu trai tôi
trong bức ảnh mẹ cháu gửi cho tôi.

Điều méo mó tôi có thể thấy qua vết mờ
từ bốn người hút thuốc và những ấn dấu chung
quanh trong căn buồng,
là những gì tốt nhất được phô bày.

Tiếng kêu vắng mặt của em tôi
không dấu diếm những vết thương lòng,
qua những rìa ký ức là vết sẹo mờ nhạt của tôi

Điều không thể nói là tiếng kêu duy nhất.

* Từ thi (corpses) ở đây là những bộ xương (skeletons). "Hiding skeletons in your closet" có nghĩa là một người có điều gì che giấu.

THE BALLAD OF JESUS ORTIZ

BÀI CA VỀ JESUS ORTIZ

Dana Gioia

“The Ballad of Jesus Ortiz” describes the life and death of my great-grandfather. Every name, place, and significant event in the poem is true. The ballad has traditionally been the form to document the stories of the poor, particularly in the Old West. The people remembered in the poem sang and recited ballads. The form seemed the right way to tell their story.”

“Bài ca về Jesus Ortiz” mô tả sự sống và cái chết của ông nội tôi. Mọi tên, địa điểm, và sự kiện quan trọng trong bài thơ là đúng thật. Ballad có truyền thống là thể thơ ghi lại các câu chuyện của người nghèo, đặc biệt ở vùng phương Tây cũ. Mọi người nhớ bài thơ qua những thể ballad hát và đọc. Thể thơ dường như đúng cách để kể câu chuyện của họ.”

Jake’s family were vaqueros.
They worked the cattle drives
Down from Montana to market.
They did what it took to survive.

Gia đình Jake là những chàng cao bồi. Họ làm việc chăn gia súc Từ vùng Montana cho tới Lúc bán ra thị trường. Họ làm

Jake’s real name was Jesus,
Which the Anglos found hard to take,
So after a couple of days,
The cowboys called him Jake.

Để sinh tồn. Tên thật Jake là Jesus, những người Mỹ thấy khó Gọi vì vậy hai ngày sau, những Chàng cao bồi gọi ông là Jake.

When Jake was twelve, his father
Brought him along to ride.
“Don’t waste your youth in the pueblo.
Earn by your father’s side.”

Khi Jake mười hai tuổi, cha ông Mang ông rong ruổi trên lưng ngựa.
"Đừng lãng phí tuổi xuân ở thị Trấn, hãy đi kiếm ăn cùng cha."

The days were hot and toilsome,
But all of the crew got fed.
It wasn’t hard to sleep on the ground
When you’ve never had a bed.

Những ngày làm việc nóng và vất vả nhưng cả nhóm có được cái Ăn. Không khó ngủ trên đất khi Chưa bao giờ ngủ giường. Ba ngàn

Three thousand head of cattle
Grazing the prairie grass,
Three thousand head of cattle
Pushed through each mountain pass.

Đầu gia súc thả gặm cỏ trên Thảo nguyên, ba ngàn đầu gia súc Luồn qua mỗi hẻm núi. Ba ngàn Đầu gia súc lội qua những dòng

Three thousand head of cattle
Fording the muddy streams,
And then three thousand phantoms
Bellowing in your dreams.

Suối ngẫu đục, và rồi ba ngàn Bóng ma rống lên trong giấc mơ. Ban đêm những con sói tru, đôi Khi Jake rướm nước mắt nhắc nhớ

At night when the coyotes called,
Jake would sometimes weep
Recalling how his mother
Sang her children to sleep.

But when he rose in the morning,
The desert air was sweet.
No sitting in a mission school
With bare and dusty feet.

And when the drive was over,
He got his pay — and then
He came back to the pueblo
Where he was one of the men.

Ten years on the open range
He led the vaquero's life,
Far from his home in Sonora,
No children and no wife.

Then Jake headed north to Wyoming
To find his winter keep
Among the Basques and Anglos
Who raised and slaughtered sheep.

He came to cold Lost Cabin
Where the Rattlesnake Mountains rise
Over the empty foothills,
Under the rainless skies.

The herders lived in dugouts
Or shacks of pine and tar.
The town had seven buildings.
The biggest was the bar.

John Okie owned the town,
The Sheep King of Wyoming.
He owned the herds. He owned the land
And every wild thing roaming.

He hired Jake for his tavern.
He let him sleep in the kitchen.
Mexicans worked hard.
And didn't waste time bitching.

Làm sao mẹ hát ru con ngủ.
Khi thức dậy vào buổi sáng, không
Khí sa mạc êm ả. Nhưng ông
Không học trong trường mà làm việc

Với chân trần lấm bụi. Và khi
Công việc xong, lãnh lương – và sau
Đó trở lại thị trấn nơi ông
Đã là một trong những người trưởng

Thành. Mười năm ở trại chăn nuôi
Ông sống cuộc đời cao bồi, không
Vợ không con, xa quê hương nơi
Sonora. Rồi Jake hướng về

Phía bắc tới Wyoming, tìm việc
Trong mùa đông, giữa những người chăn
Gia súc và những người Mỹ, ai
Nuôi dưỡng và ai tàn sát cừu.

Ông đến Lost Cabin giá lạnh
Nơi những ngọn núi Rattlesnake
Mountain nhô lên khỏi những chân
Đồi trống rỗng dưới bầu trời không

Mưa. Những người chăn gia súc sống
Trong những hang nhỏ hoặc túp lều
Dựng bằng gỗ thông và hắc ín.
Thị trấn có bảy ngôi nhà. Lớn

Nhất là quán rượu. John Okie,
Ông vua cừu ở Wyoming, sở
Hữu thị trấn. Sở hữu đàn gia
Súc. Sở hữu đất đai và mọi

Thứ hoang dã lang thang. Ông muốn
Jake làm cho quán rượu. Cho ngủ
Trong nhà bếp. Người Mexico
Làm việc chăm chỉ và không phí

Thì giờ phàn nàn. Chăm sóc quán
Rượu để hơn chăn đàn gia súc.
Jake rót thức uống trong khi những
Người đàn ông than phiền về đời

Tending bar was easier
Than tending cattle drives.
Jake poured the drinks while the men
Complained about their lives.

Jake never asked them questions.
He knew what he needed to know —
Men working in Lost Cabin,
Had nowhere else to go.

Jake married a sheepherder's daughter,
Half Indian, half white.
They had two sons, and finally
Things in his life were right.

He told his boys his adventures
As a cowboy riding the plain.
“Papa,” they cried, “will you take us
When you ride out again?”

One night he had an argument
With a herder named Bill Howard,
A deserter from the Border War,
A drunkard, and a coward.

“Bring over that bottle of whisky!
If you don't grab it, I will.”
“Okie said to cut you off
Until you paid your bill.”

Bill Howard slammed his fist down,
“Is this some goddamn joke,
A piss-poor Mexican peon
Telling me I'm broke?”

A little after midnight
Bill came back through the door.
Three times he shot his rifle,
And Jake fell to the floor.

Then Bill beheld his triumph
As the smoke cleared from the air —
A mirror blown into splinters,
And blood splattered everywhere.

Sống. Jake không bao giờ hỏi họ
Những câu hỏi. Ông biết những gì
Cần biết – những người làm việc ở
Lost Cabin không còn nơi nào

Đề đi. Jake cưới con gái một
Người chăn cừu lai nửa da đỏ
Nửa da trắng. Họ có hai con
Trai, và cuối cùng mọi việc trong

Đời đều ổn thỏa. Ông nói với
Các con về những cuộc phiêu lưu
Của ông, chàng cao bồi cưới ngựa
Trên thảo nguyên. “Cha” chúng kêu lên,

“Cha sẽ cho chúng con theo khi
Cha cưới ngựa ngoài thảo nguyên lần
Nữa chứ?” Một đêm ông có cuộc
Tranh cãi với Bill Howard, một

Kẻ chăn gia súc, một kẻ đào
Ngũ trong cuộc Chiến tranh Biên giới,
Một kẻ say sưa và hèn nhác.
“Mang chai whisky qua đây! Nếu

Không, tao đến lấy.” – “Okie nói
Không bán trừ khi anh trả tiền
Trước.” Bill Howard nắm năm tay
Xuống bàn, “Đây là trò đùa chết

Tiệt gì thế, một tên làm công
Mexico nghèo kiệt xác, nói
Tao bán cùng?” Chẳng bao lâu sau,
Nửa đêm Bill trở lại qua cửa.

Hắn bắn ba lần bằng súng trường,
Và Jake ngã xuống. Bill nhìn chiến
Thắng như làn khói tan trong không –
Một tấm gương vỡ ra từng mảnh

Và máu tung tóe khắp nơi. Con
Giận dữ tàn bạo bất ngờ, không
Động cơ: Một kẻ nghèo giết một
Kẻ nghèo khác, không vinh quan, không

A sudden brutal outburst
No motive could explain:
One poor man killing another
Without glory, without gain.

The tales of Western heroes
Show duels in the noonday sun,
But darkness and deception
Is how most killing is done.

Father Keller came from Lander
To lay Jake in the ground.
A posse searched the mountains
Until Bill Howard was found.

There were two more graves in Wyoming
When the clover bloomed in spring.
Two strangers drifted into town
And filled the openings.

And two tall boys departed
For the cattle drives that May.
With hardly a word to their mother
Who watched them ride away.

Translated into Vietnamese by Khe Iem

Dana Gioia is an award-winning poet. Former Chairman of the National Endowment for the Arts, Gioia is a native Californian of Italian and Mexican descent. In 2015 Gioia was appointed the State Poet Laureate of California by Governor Jerry Brown.

Lợi lộc. Câu chuyện về những người
Hùng phương Tây thể hiện cuộc đọ
Súng tay đôi dưới ánh mặt trời
Trưa, nhưng ở đây một kẻ từ

Bóng tối và dối lừa đã thực
Hiện sự giết chóc. Cha Keller
Đến từ Lander chôn cất Jake.
Một đội cảnh sát lục soát những

Ngọn núi đến lúc Bill Howard
Được tìm thấy. Có thêm hai năm
Mồ ở Wyoming khi cỏ ba
Lá bùng nở vào mùa xuân. Hai

Đứa con nay đã lớn trôi dạt
Vào thị trấn và lấp đầy công
Việc bỏ trống. Và hai chàng trai
Cao lớn bắt đầu chăn gia súc

Vào tháng Năm. Thật khó nói nên
Lời với những người mẹ nhìn theo
Họ cưỡi ngựa đi xa.

Dana Gioia là một nhà thơ từng đoạt giải thưởng. Cựu Chủ tịch của Tổ chức Tài trợ Nghệ thuật Quốc gia, ông là người California gốc Ý và Mexico. Vào năm 2015 Gioia được Thống đốc Jerry Brown bổ nhiệm Nhà thơ danh dự California.

Chú thích

- Vaguero: tiếng Spanish gọi “cao bồi”
- Pueblo: tiếng Spanish gọi “thị trấn” hay “làng”.
- Gia súc được chăn cho lớn ở mùa Xuân, Hạ và Thu, bán cho các lò mổ ở mùa Đông. Mùa Đông những chàng cao bồi phải đi tìm việc khác.
- Basque: tiếng Spanish gọi “người chăn gia súc” (ở đây là người Mexico).
- Anglo (Anglo-Saxon): chỉ người nói tiếng Anh, ở đây là người Mỹ.
- Dugout: cái hang nhỏ. Bar: nơi chỉ bán rượu. Tavern: nơi bán rượu và thức ăn.